

GIÁ TRỊ VÀ SỨC SỐNG BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

**QUAN ĐIỂM CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN
VỀ QUAN HỆ GIAI CẤP, DÂN TỘC, NHÂN LOẠI VÀ
SỰ VẬN DỤNG CỦA HỒ CHÍ MINH**

Bùi Thị Phương Thùy^(*)

^(*) Tiến sĩ, Viện Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Email: thuybuivientriet@gmail.com

Nhận ngày 05 tháng 11 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 12 năm 2022.

Tóm tắt: Trong triết học Mác - Lênin, giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại có mối quan hệ biện chứng, có tác động và ảnh hưởng lẫn nhau. Trong đó, sự phát triển của các giai cấp gắn liền với sự phát triển của các dân tộc và sự phát triển của toàn nhân loại; sự tồn tại của nhân loại là tiền đề, điều kiện cho sự tồn tại của giai cấp và dân tộc; lợi ích của giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích dân tộc và lợi ích toàn nhân loại. Những quan điểm có tính nguyên tắc trong triết học Mác - Lênin về việc giải quyết mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại đã trở thành ngọn đèn soi sáng sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức, được Hồ Chí Minh tiếp thu và vận dụng phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Từ khóa: Giai cấp, dân tộc, nhân loại, triết học Mác - Lênin, Hồ Chí Minh.

Giai cấp, dân tộc, nhân loại là những phạm trù chỉ các quan hệ xã hội có vị trí, vai trò khác nhau, song giữa chúng có mối liên hệ mật thiết, tác động biện chứng qua lại với nhau. Là học thuyết về sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng các dân tộc và toàn nhân loại khỏi ách áp bức, bóc lột, triết học Mác - Lênin đã có sự luận giải sâu sắc về mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại. Những luận điểm của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ trên đã được Hồ

Chí Minh vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

1. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại

C.Mác và Ph.Ăngghen không bàn trực tiếp đến quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại, nhưng thông qua những tác phẩm của hai ông, chúng ta có thể thấy những nội dung thể hiện mối quan hệ này.

Trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (năm 1848), quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại được C.Mác và Ph.Ăngghen bàn đến thông qua việc phân tích sự phát triển của lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa. Chính sự phát triển của lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa cùng với “nhu cầu về những nơi tiêu thụ sản phẩm, giai cấp tư sản xâm lấn khắp toàn cầu. Nó phải xâm nhập vào khắp nơi, trụ lại ở khắp nơi và thiết lập những mối liên hệ ở khắp nơi”¹. Do bóp nặn thị trường thế giới, giai cấp tư sản đã làm cho sản xuất và tiêu dùng của tất cả các nước mang tính thế giới. Thay cho tình trạng cô lập trước kia của các địa phương và dân tộc vẫn tự cung tự cấp là sự “phát triển những quan hệ phổ biến, sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc”². Giai cấp tư sản lôi cuốn tất cả các dân tộc vào trào lưu văn minh, “tạo ra một thế giới theo hình dạng của nó”³. Cùng với đó, giai cấp tư sản đã trở thành một giai cấp mang tính thế giới. Giai cấp công nhân với tính cách là giai cấp chịu sự áp bức, bóc lột trực tiếp của giai cấp tư sản cũng phát triển và trở thành giai cấp mang tầm vóc quốc tế.

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, cuộc cách mạng vô sản là cuộc đấu tranh giai cấp cuối cùng trong lịch sử, là cuộc cách mạng mang tầm vóc thế giới. Bởi, nó là cuộc cách mạng duy nhất trong lịch sử không nhằm thay thế sự thống trị của giai cấp bóc lột này bằng giai cấp bóc lột khác mà nhằm xóa bỏ chế độ tư hữu - chế độ tư hữu tư sản, từ đó xóa bỏ hoàn toàn cơ sở

của sự áp bức, bóc lột giai cấp, áp bức dân tộc, áp bức con người nói chung. C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, để thực hiện được sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của mình, giai cấp công nhân ở mỗi nước phải giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và nhiệm vụ quốc tế. Trước hết, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản phải được thực hiện trên một địa bàn quốc gia, dân tộc nhất định, hay nói cách khác, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở giai đoạn đầu mang tính chất dân tộc: “cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc. Đương nhiên là trước hết, giai cấp vô sản mỗi nước phải thanh toán xong giai cấp tư sản nước mình đã”⁴. Các ông chỉ ra sự thống nhất giữa lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc trên lập trường giai cấp vô sản: “giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc”⁵. Dân tộc mà giai cấp vô sản “phải tự vươn lên” là dân tộc xã hội chủ nghĩa, ở đó “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”⁶. Việc giai cấp vô sản của mỗi nước đánh đổ sự thống trị

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.601.

² C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Sđd.*, t.4, tr.602.

³ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Sđd.*, t.4, tr.602.

⁴ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Sđd.*, t.4, tr.611.

⁵ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Sđd.*, t.4, tr.623-624.

⁶ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Sđd.*, t.4, tr.628.

của giai cấp tư sản trên lãnh thổ của nước mình cũng chính là đã đóng góp vào sự nghiệp cách mạng chung của giai cấp vô sản thế giới. Lúc này, lợi ích của giai cấp vô sản thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động trên toàn thế giới. Trong cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản, vì sự nghiệp giải phóng giai cấp mình và toàn thể nhân loại thì “Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại!”⁷.

Bằng những lập luận xác đáng, C.Mác và Ph.Ăngghen là những người đầu tiên chỉ ra mối quan hệ biện chứng giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại trong cuộc cách mạng vô sản và sự thống nhất giữa các yếu tố này là một tất yếu khách quan. Tuy nhiên, có thể thấy, vấn đề dân tộc được các ông xem xét từ góc độ cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, như là hệ quả của cuộc đấu tranh giai cấp. Việc giải quyết vấn đề dân tộc phụ thuộc vào cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản với tư sản, hay nói cách khác, giải phóng giai cấp đi đến giải phóng dân tộc. C.Mác và Ph.Ăngghen đã kêu gọi: “hãy xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ”⁸, bởi các ông đã chỉ rõ một hiện tượng có tính quy luật là: “Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo”⁹ và “sự thống trị của giai cấp vô sản sẽ càng làm cho những sự cách biệt dân tộc và những sự đối lập giữa nhân dân các nước mất đi nhanh hơn”¹⁰. Với quan điểm trên, các ông vừa muốn nhấn mạnh đấu

tranh giai cấp, vừa hàm chứa quan điểm cách mạng chính quốc thành công trước cách mạng thuộc địa.

Cho đến trước những năm 50 của thế kỷ XIX, C.Mác và Ph.Ăngghen vẫn cho rằng, thắng lợi của giai cấp vô sản trước giai cấp tư sản ở các nước phát triển có ý nghĩa quyết định đối với việc giành độc lập của các dân tộc bị áp bức. Qua khảo nghiệm thực tiễn, C.Mác và Ph.Ăngghen ngày càng quan tâm đến chiều ngược lại. Nghiên cứu công cuộc giải phóng Airolen, hai ông đã có những điều chỉnh quan trọng. C.Mác đã đi đến kết luận là, để xóa bỏ cả áp bức giai cấp và áp bức dân tộc không chỉ đơn thuần dựa vào đấu tranh giai cấp ở các nước tư bản phát triển, mà phải kết hợp chặt chẽ cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc, coi trọng hơn nữa vai trò cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức.

Bàn về mối quan hệ giữa dân tộc và quốc tế, trong bức thư gửi Cauxky năm 1882, Ph.Ăngghen khẳng định độc lập dân tộc là cơ sở để giải quyết các vấn đề dân tộc trong mỗi quốc gia và cho sự hợp tác quốc tế: “chừng nào chưa có độc lập dân tộc, thì về mặt lịch sử một dân tộc lớn thậm chí một dân tộc không thể bàn luận tương đối nghiêm túc bất kỳ vấn đề nội bộ nào” và “phong trào quốc tế của giai cấp vô sản nói chung chỉ có thể có trong môi

⁷ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Sđđ.*, t.4, tr.646.

⁸ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Sđđ.*, t.4, tr.624.

⁹ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Sđđ.*, t.4, tr.624.

¹⁰ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Sđđ.*, t.4, tr.624.

trường các dân tộc độc lập”¹¹. Tuy nhiên, Ph.Ăngghen mới chỉ nhìn nhận vấn đề độc lập dân tộc trong khuôn khổ các nước châu Âu. Bởi ở thời đại C.Mác và Ph.Ăngghen sống, chủ nghĩa tư bản chưa trở thành chủ nghĩa đế quốc, do đó, cách mạng thuộc địa chưa trở thành vấn đề có tính toàn cầu. Các ông chưa thể giải quyết về mặt lý luận mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng chính quốc, cũng chưa thấy được sức mạnh to lớn của chủ nghĩa dân tộc ở các nước thuộc địa.

Kế thừa quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen trong thời đại chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, V.I.Lênin đã bổ sung thêm những luận điểm mới về mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác phù hợp với điều kiện mới của thời đại.

Trong một số tác phẩm nổi tiếng, như *Về quyền dân tộc tự quyết* (năm 1914), *Sơ thảo lần thứ nhất những vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* (năm 1920), V.I.Lênin đã chỉ rõ vai trò của giai cấp trong việc quyết định tính chất của dân tộc thông qua việc chỉ ra bản chất của dân tộc tư bản chủ nghĩa. Theo V.I.Lênin, thực chất chủ nghĩa dân tộc của giai cấp tư sản là vị kỷ, hẹp hòi, “cá lớn nuốt cá bé”: “nấp dưới hình thức quyền bình đẳng của cá nhân nói chung, chế độ dân chủ tư sản tuyên bố quyền bình đẳng hình thức hoặc quyền bình đẳng trên pháp luật giữa kẻ hữu sản và người vô sản, giữa kẻ bóc lột và người bị bóc lột, do đó làm cho những giai cấp bị

áp bức bị lừa dối một cách ghê gớm. Ý niệm bình đẳng, - bản thân nó chỉ là sự phản ánh những quan hệ sản xuất hàng hóa, - đã bị giai cấp tư sản biến thành một vũ khí đấu tranh chống lại việc thủ tiêu giai cấp dưới chiêu bài của quyền bình đẳng tuyệt đối của cá nhân. Ý nghĩa thật sự của việc đòi quyền bình đẳng chung quy chỉ là đòi thủ tiêu giai cấp”¹². V.I.Lênin đã chỉ rõ sự khác nhau giữa dân tộc tư bản chủ nghĩa và dân tộc xã hội chủ nghĩa do bản chất của hai giai cấp này hoàn toàn khác nhau: “đôi với giai cấp tư sản thì yêu sách về quyền bình đẳng dân tộc trên thực tế thường là sự tuyên truyền cho tính bản vị dân tộc và chủ nghĩa sô vanh và rất thường hay gắn liền với việc tuyên truyền cho sự chia rẽ dân tộc và việc làm cho các dân tộc xa rời nhau. Chủ nghĩa quốc tế vô sản tuyệt đối không dung hòa với lập trường đó vì chủ nghĩa quốc tế tuyên truyền không những cho sự gắn gũi giữa các dân tộc, mà cho cả sự liên hợp của công nhân thuộc tất cả các dân tộc ở một quốc gia trong những tổ chức thống nhất của giai cấp vô sản”¹³. Từ đó, V.I.Lênin phê phán chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa dân tộc sô vanh, vì điều này sẽ có hại cho phong trào công nhân của chính nước đó cũng như có hại cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế nói chung.

¹¹ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Sđđ.*, t.35, tr.349.

¹² V.I.Lênin (1977), *Toàn tập*, t.41, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.198.

¹³ V.I.Lênin (1980), *Toàn tập*, t.25, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, tr.167.

V.I.Lênin cho rằng, việc gắn kết phong trào công nhân với phong trào giải phóng dân tộc là vấn đề sống còn, là điều kiện tiên quyết trong sự nghiệp đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản. Do đó, giai cấp vô sản và quần chúng lao động ở tất cả các dân tộc phải “gắn gũi” nhau để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chung nhằm lật đổ bọn địa chủ và giai cấp tư sản. Chỉ có sự “gắn gũi” ấy mới đảm bảo việc chiến thắng chủ nghĩa tư bản, mới thủ tiêu được ách áp bức dân tộc và tình trạng bất bình đẳng. V.I.Lênin nêu ra khẩu hiệu kêu gọi: “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại”. Đây là sự kế thừa và phát triển luận điểm nổi tiếng của C.Mác trước đó: “Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại!”. Năm 1924, trong *Lênin và các dân tộc phương Đông*, Hồ Chí Minh đã đánh giá cao vai trò của V.I.Lênin khi chú ý đến vấn đề các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc. Người chỉ rõ: “Lênin là người đầu tiên đã hiểu và đánh giá hết tầm quan trọng lớn lao của việc lôi cuốn nhân dân các nước thuộc địa vào phong trào cách mạng. Lênin là người đầu tiên chỉ rõ rằng, nếu không có sự tham gia của các dân tộc thuộc địa, thì cách mạng xã hội không thể có được”¹⁴.

V.I.Lênin đã sớm thấy được sức mạnh to lớn của phong trào giải phóng dân tộc, nhấn mạnh tư tưởng phải kết hợp chặt chẽ phong trào cách mạng ở chính quốc với phong trào giải phóng dân tộc ở thuộc địa; các nước làm cách mạng vô sản thành công phải giúp đỡ cách mạng ở các nước

thuộc địa, nhất là những nước kinh tế lạc hậu: “phải thi hành một chính sách thực hiện sự liên minh chặt chẽ nhất của tất cả các phong trào giải phóng dân tộc và thuộc địa với nước Nga Xôviết, bằng cách đem lại cho sự liên minh ấy những hình thức phù hợp với trình độ phát triển của phong trào cộng sản trong nội bộ giai cấp vô sản ở mỗi nước, hay của phong trào giải phóng dân chủ tư sản của công nhân và nông dân ở các nước chậm tiến hay các dân tộc chậm tiến”¹⁵.

Tuy nhiên, cũng như những người lãnh đạo Quốc tế Cộng sản lúc bấy giờ, V.I.Lênin đặt cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc, là “hậu bị quân” của cách mạng vô sản chính quốc, cách mạng giải phóng dân tộc chỉ có thể giành thắng lợi khi cách mạng vô sản chính quốc thắng lợi. V.I.Lênin chưa thấy được tính độc lập tương đối và sự tác động trở lại của cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa đối với cách mạng vô sản ở các nước tư bản. Có thể thấy, con đường cách mạng mà V.I.Lênin vạch ra là giải phóng giai cấp đi đến giải phóng dân tộc và giải phóng nhân loại.

Qua những phân tích ở trên, có thể thấy, trong triết học Mác - Lênin, giai cấp, dân tộc và nhân loại có mối quan hệ biện chứng, tác động và ảnh hưởng lẫn nhau. Sự phát triển của các giai cấp gắn liền với

¹⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.136.

¹⁵ V.I.Lênin (1977), *Sđđ.*, t.41, tr.200.

sự phát triển của các dân tộc và sự phát triển của toàn nhân loại. Sự phát triển của nhân loại, biểu hiện trước hết ở sự phát triển của lực lượng sản xuất nói chung, đã tạo ra những tiền đề quan trọng cho sự phát triển của các dân tộc, giai cấp. Mặt khác, chính sự phát triển về mọi mặt của nhân loại đã tạo ra những điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và đấu tranh giai cấp. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã phát hiện ra và xác định được sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản. Chỉ kết hợp chặt chẽ các yếu tố giai cấp, dân tộc và nhân loại thì cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản mới đi đến thắng lợi. Ngược lại, cũng chỉ có cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản mới xóa được ách áp bức giai cấp, áp bức dân tộc và giải quyết căn bản những vấn đề nhân loại.

Những quan điểm có tính nguyên tắc của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về việc giải quyết mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại đã trở thành ngọn đèn soi sáng sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức, được Hồ Chí Minh tiếp thu và vận dụng phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giai cấp, dân tộc và nhân loại

Xuất phát từ việc nghiên cứu một cách sâu sắc, triệt để, đa diện thực tiễn cách mạng Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và lý luận của các nhà kinh điển về mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại, Hồ Chí Minh đã đưa ra những nhận định đúng đắn, những

luận điểm sáng tạo về mối quan hệ này. Quan điểm về quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại trong tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện trên những khía cạnh chủ yếu sau:

Thứ nhất, con đường giải phóng dân tộc Việt Nam, giai cấp vô sản và nhân dân lao động Việt Nam là con đường cách mạng vô sản.

Trên hành trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh luôn đặt câu hỏi: cách mạng ở Việt Nam sẽ phải đi theo con đường nào? Làm thế nào để giành lại độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân? Bằng sự tổng kết các phong trào yêu nước lúc bấy giờ, Hồ Chí Minh đã nhận thấy những hạn chế về đường lối, phương pháp cứu nước. Trong thời gian bôn ba khắp thế giới, đặc biệt là những năm tháng sống ở Mỹ, Anh, Pháp, Hồ Chí Minh đã tìm hiểu và nghiên cứu kỹ những cuộc cách mạng ở đó. Khi nghiên cứu các cuộc cách mạng tư sản điển hình trên thế giới, như dân chủ tư sản Mỹ, cách mạng Pháp, Người nhận ra rằng, những cuộc cách mạng ấy là những “cuộc cách mạng chưa đến nơi”. Các cuộc cách mạng đó tuy nêu khẩu hiệu “tự do”, “bình đẳng”, nhưng không đưa lại tự do, bình đẳng thực sự cho quần chúng lao động. Đối với Người, giải phóng dân tộc phải gắn liền với tự do, ấm no và hạnh phúc thật sự cho nhân dân, giải phóng con người một cách triệt để, chứ không phải là thứ “độc lập giả hiệu”, “độc lập nửa vời”, “độc lập hình thức”. Tư tưởng nhân văn ấy được Người tìm thấy trong Cách mạng

tháng Mười Nga năm 1917, vì Cách mạng tháng Mười Nga đã giải phóng triệt để con người, là một cuộc cách mạng “đến nơi”, thật sự đem lại ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Từ đó, Người đã lựa chọn cách mạng Việt Nam đi theo con đường của Cách mạng tháng Mười Nga - con đường cách mạng vô sản: “muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”¹⁶.

Cuộc cách mạng mà nhân dân ta cần tiến hành phải là cuộc cách mạng lấy công nông làm gốc, một cuộc cách mạng giành chính quyền về tay nhân dân. Nếu không đứng trên quan điểm, lập trường, thế giới quan của giai cấp vô sản thì cách mạng không thể thành công. Chỉ có giai cấp vô sản với tư cách giai cấp đứng ở vị trí trung tâm của thời đại mới là giai cấp duy nhất có khả năng giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, ngọn cờ độc lập và chủ quyền của dân tộc, ngọn cờ tiến bộ và phồn vinh của dân tộc. Việc lựa chọn con đường giải phóng dân tộc theo tư tưởng cách mạng vô sản của V.I.Lênin đã giúp Hồ Chí Minh giải quyết thành công cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước kéo dài suốt hơn nửa thế kỷ, đồng thời thể hiện tư tưởng về sự thống nhất giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại. Theo Người, cách mạng vô sản là con đường duy nhất để giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp và giải phóng con người; một cuộc cách mạng vừa phải giành độc lập dân tộc, vừa giải phóng nhân dân lao

động khỏi áp bức bóc lột, giải phóng triệt để con người. Hồ Chí Minh đã bám sát thực tiễn cách mạng Việt Nam, theo sát sự phát triển của thời đại trong việc giải quyết quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại.

Thứ hai, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội vì tự do, phẩm giá và cuộc sống tốt đẹp hơn của con người.

Sau khi tìm thấy và lựa chọn con đường cứu nước và giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, Hồ Chí Minh đã xác định con đường cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; giải phóng dân tộc không tách rời giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Theo Người, “cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn”¹⁷. Bởi mục tiêu trước mắt cần phải đạt được của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc, nhưng mục đích cuối cùng của cách mạng dân tộc không chỉ là độc lập cho dân tộc mà còn là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng nhân loại, đưa con người đến tự do, ấm no và hạnh phúc. Muốn đạt được mục đích đó thì độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới “cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái,

¹⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.1, tr.9.

¹⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.4, tr.64.

đoàn kết, âm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc”, và “chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”¹⁸. Tư tưởng này của Người đã thể hiện sự thống nhất giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã xác định, con đường cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Quan điểm này được xác định rõ trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Người soạn thảo và được Hội nghị thành lập Đảng thông qua: “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”¹⁹. Ở giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, nhiệm vụ đánh đổ thực dân đế quốc, giành độc lập dân tộc là mục tiêu cốt yếu, trực tiếp, trước mắt, cấp bách của quá trình cách mạng Việt Nam. Tại Hội nghị Trung ương 8 năm 1941, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “trong lúc này quyền lợi của bộ phận giai cấp phải đặt dưới sự tồn vong sinh tử của quốc gia dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được tự do độc lập cho toàn dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc chịu mãi kiếp ngựa trâu mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”²⁰. Đồng thời, từng bước thực hiện

các nhiệm vụ dân chủ, gây mầm mống cho chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội là con đường để bảo đảm một nền độc lập thực sự, bền vững cho Việt Nam; góp phần vào thắng lợi chung của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, tạo tiền đề tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Cách mạng dân tộc dân chủ xác lập cơ sở, tiền đề cho cách mạng xã hội chủ nghĩa, cách mạng xã hội chủ nghĩa kế tiếp ngay sau khi cách mạng dân chủ nhân dân thắng lợi sẽ khẳng định và bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc. Đây là hai giai đoạn của một quá trình cách mạng, giữa chúng không có ngăn cách.

Trên cơ sở giải quyết một cách đúng đắn, sáng tạo mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại, Hồ Chí Minh đã giải quyết thành công những vấn đề chiến lược của cách mạng Việt Nam trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể, đáp ứng được yêu cầu và khát vọng của toàn thể dân tộc Việt Nam, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại - thời đại đấu tranh cho sự thắng lợi của hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam đã khẳng định tính đúng đắn của đường lối đó, đưa dân tộc Việt Nam trở thành một trong những dân tộc

¹⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd.*, t.12, tr.563.

¹⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd.*, t.3, tr.1.

²⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.113.

tiên phong trong sự nghiệp đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, vì sự nghiệp giải phóng triệt để giai cấp, dân tộc và nhân loại.

Thứ ba, cách mạng Việt Nam cần phải gắn với phong trào cách mạng thế giới, nêu cao tinh thần đoàn kết quốc tế.

Trong quá trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh nhận thấy một sự thực là, người lao động dù màu da gì cũng bị bóc lột, người thuộc địa dù ở châu Á hay châu Phi cũng bị đày đọa, đế quốc nào - dù Pháp hay Nhật cũng đều tàn bạo. Từ đó, Người đi đến kết luận, trên đời này dù màu da hay tiếng nói khác nhau cũng chỉ có hai giống người là giống người bóc lột và giống người bị bóc lột và cũng chỉ có một tình hữu ái thực sự - tình hữu ái vô sản. Người đã thấy rõ khả năng liên minh các lực lượng bị áp bức trên toàn thế giới và khả năng đoàn kết quốc tế của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc mình.

Khi nghiên cứu các phong trào yêu nước ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Hồ Chí Minh nhận ra một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự thất bại của các phong trào này là do không có sự liên hệ, gắn bó, đoàn kết với phong trào cách mạng thế giới. Xuất phát từ việc nghiên cứu một cách sâu sắc, triệt để, đa diện thực tiễn cách mạng Việt Nam, tình hình thế giới và lý luận của các nhà kinh điển về cách mạng giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã có những luận điểm sáng tạo về mối quan hệ giữa cách mạng

giải phóng dân tộc ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc.

Hồ Chí Minh khẳng định, cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới; giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc. Đó là quan hệ bình đẳng chứ không phải là quan hệ lệ thuộc hay quan hệ chính phụ như V.I.Lênin và Quốc tế Cộng sản III đã từng khẳng định. Bằng hình ảnh con đĩa hai vôi, Người đã khắc họa chân dung kẻ thù chung ấy một cách sinh động, khẳng định mối quan hệ khăng khít giữa hai cuộc cách mạng: “chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vôi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vôi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vôi. Nếu người ta chỉ cắt một vôi thôi, thì cái vôi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản; con vật vẫn tiếp tục sống và cái vôi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra”²¹. Từ nhận định đó, Người coi cách mạng giải phóng dân tộc là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản, phát triển nhịp nhàng cùng với cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản, tức phải đi theo chủ nghĩa

²¹ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd.*, t.1, tr.320.

Mác - Lênin. Vì vậy, phải có sự liên minh, đoàn kết chiến đấu giữa các lực lượng cách mạng vô sản ở chính quốc và lực lượng cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Đồng thời, Người đã đưa ra khẩu hiệu: “lao động tất cả các nước, đoàn kết lại”²².

Nhận thức đúng vai trò, vị trí của cách mạng thuộc địa và sức mạnh dân tộc, Hồ Chí Minh cho rằng, cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa không bị động, phụ thuộc một chiều vào cách mạng vô sản ở nước tư bản phát triển; trái lại, hoàn toàn có thể tự tiến hành giành thắng lợi trước và giúp đỡ cách mạng vô sản chính quốc. Bởi vì, “vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa”²³, nơi cung cấp lương thực và binh lính cho các nước lớn đế quốc chủ nghĩa. Nếu chúng ta muốn đánh bại các nước này thì trước hết phải tước hết thuộc địa của chúng đi. Sau khi giành độc lập, các nước thuộc địa có thể giúp đỡ những người “anh em” mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn.

Ngay từ đầu khi lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã xác định sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam không thể ngồi chờ, không ý lại vào cách mạng ở chính quốc. Do đó, trong khi yêu cầu sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản, Đảng Cộng sản các nước và nhân dân tiến bộ trên toàn thế

giới, Người vẫn khẳng định công cuộc giải phóng nhân dân các nước thuộc địa chỉ có thể được thực hiện bằng sự nỗ lực tự giải phóng: “cố nhiên sự giúp đỡ của các nước bạn là quan trọng, nhưng không được ý lại, không được ngồi mong chờ người khác. Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”²⁴. Do đó, trong ngay giai đoạn đầu của cách mạng, Đảng ta chủ trương đoàn kết rộng rãi các lực lượng trong dân tộc nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc.

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về sự kết hợp giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại bắt nguồn từ tình yêu thương đối với con người, với nhân loại và đoàn kết toàn nhân loại vì mục tiêu giải phóng các dân tộc bị áp bức, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Người luôn đặt cách mạng Việt Nam trong mối quan hệ khăng khít với phong trào cách mạng thế giới. Năm 1920, khi tham dự Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp với tư cách là đại biểu Đông Dương, Người đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản, trở thành một thành viên sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Từ đây, Người đã đặt nền móng cho tình đoàn kết chiến đấu giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Pháp, tạo sự gắn bó chặt chẽ

²² Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.1, tr.461.

²³ Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.1, tr.295.

²⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.7, tr.445.

hơn giữa phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới.

Trong thời kỳ Việt Nam đấu tranh giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh luôn chăm lo xây dựng, giữ gìn và phát triển tình đoàn kết gần gũi giữa Việt Nam với Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, với nhân dân và các dân tộc Á, Phi, Mỹ La-tinh... Người chủ trương tăng cường đoàn kết quốc tế, thêm bạn bớt thù, "giúp bạn là tự giúp mình"; coi trọng, thắt chặt tình đoàn kết, giúp đỡ của nhân dân thế giới và các tổ chức quốc tế đối với Việt Nam; gắn cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta với cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Vì vậy, Người chủ trương thực hiện đoàn kết rộng rãi trên nguyên tắc bình đẳng dân tộc và hợp tác cùng có lợi. Đoàn kết và hợp tác quốc tế là tập hợp lực lượng bên ngoài, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ quốc tế để làm tăng thêm khả năng tự lực, tự cường, tạo điều kiện làm chuyển biến lực lượng có lợi cho cách mạng trong nước. Hồ Chí Minh chỉ rõ, nhân dân ta chiến đấu hy sinh chẳng những vì tự do, độc lập riêng của mình, mà còn vì tự do, độc lập chung của các dân tộc và hòa bình thế giới.

Đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh rất chú trọng sự đoàn kết giữa các Đảng Cộng sản anh em trên toàn thế giới, là hiện thân của tư tưởng kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đoàn kết quốc tế, Người

chỉ rõ, cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới và cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam là một bộ phận khăng khít trong cuộc đấu tranh vĩ đại của nhân dân thế giới nhằm chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân. Vì vậy, trong cách mạng giải phóng dân tộc cũng như trong hòa bình xây dựng đất nước, *một mặt*, Hồ Chí Minh nhấn mạnh việc nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường; *mặt khác*, Người luôn kêu gọi phải tăng cường sự đoàn kết và hợp tác quốc tế, đồng thời phải ra sức ủng hộ và giúp đỡ cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Tóm lại, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Quá trình Người giải quyết mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại ở Việt Nam luôn xuất phát từ thực tiễn khách quan, đáp ứng được những yêu cầu của lịch sử dân tộc. Hồ Chí Minh đã chỉ ra con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam là con đường cách mạng vô sản, xác định mục tiêu của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; cách thức tiến hành là phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, trong đó phát huy nội lực là chủ yếu, thực hiện đoàn kết quốc tế rộng rãi. Tư tưởng của Người đã trở thành ngọn cờ dẫn dắt cách mạng Việt Nam. □